TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST

Ngày: 26-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Lịnh;

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 03/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HS ngày 08/6/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị K (tên gọi khác: T), sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 35, Khóm 4, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C; Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 02/01/2020; Tạm giam từ ngày 11/01/2020 đến nay; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)

2. Ông Lương Văn P, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp A1, xã M, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 02/01/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên S (bạn của K không rõ họ tên và địa chỉ) điện thoại rủ K sử dụng ma túy, S kêu K đến khu vực bến phà C thuộc bờ L gặp T với đặc điểm nhận dạng như mặc áo khoác đen, đội nón bảo hiểm màu đen, ngồi trên xe mô tô để mua ma túy về sử dụng chung. K điều khiển xe môtô biển số 68T8-3676 đến khu vực gần bến phà gặp T lấy bịch ma túy và đưa 200.000 đồng. Sau khi lấy bịch ma túy, K cất vào lòng bàn tay trái. Sau đó điều khiển xe đến khu dân cư ấp A2, xã M, huyện L, tỉnh Đ thì bị lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra về ma túy Công an tỉnh Đ kết hợp với Công an huyện L và Công an xã M tiến hành kiểm tra thì K bỏ bịch ma túy xuống mặt đường cạnh xe thì bị phát hiện bắt quả tang và thu giữ: 01 (một) bịch nylong được hàn kín ba cạnh bên trong có chứa những hạt tinh thể rắn, ký hiệu 01; 01 (một) xe mô tô biển số 68T8-3676 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, hiệu OPPO A3S đã qua sử dụng, ký hiệu 02.

Tại biên bản nhận dạng ngày 02/01/2020, Nguyễn Thị K xác định: 01 (một) bịch nylong được hàn kín ba cạnh bên trong có chứa những hạt tinh thể rắn được thu giữ tại vị trí nền đất là ma túy của K đã mua để sử dụng.

Tại biên bản khám xét ngày 02/01/2020, Công an huyện L đã thu giữ: 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) ống nhựa màu cam đầu quấn băng keo đen; 01 (một) bình thủy tinh tự chế; 01 (một) bịch nylong dạng nắp kẹp bên trong có chứa 10 bịch nylong hở một đầu.

Theo Kết luận giám định số 10/KL-KTHS ngày 06/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Tinh thể rắn chứa trong một (01) bịch nylong màu trắng hàn kín, được niêm phong trong phong bì, ký hiệu số 01 gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,238 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Trong quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 68T8-3676 không khớp với số máy 1P52FMH-320273854, số khung WTPCH-022VT009072 của xe và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đồng thời, Nguyễn Thị K không có giấy tờ chứng từ chứng minh nguồn gốc xe hợp pháp, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã chuyển chiếc xe trên cho Công an huyện L xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay đề nghị gì khác về xử lý vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSLVo ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đ đã truy tố Nguyễn Thị K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm, quyết định truy tố Nguyễn Thị K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù; Không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu và tiêu hủy: Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong, ghi "Niêm phong số 13, ngày 03/01/2020, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ" và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thị K; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) ống nhựa màu cam đầu quấn băng keo đen; 01 (một) bình thủy tinh tự chế; 01 (một) bịch nylong dạng nắp kẹp bên trong có chứa 10 bịch nylong hở một đầu liên quan đến việc phạm tội.

+ Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K: 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, hiệu OPPO A3S đã qua sử dụng được niêm phong theo quy định, ký hiệu 02 do không liên quan đến việc phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo K đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo không có tranh luận gì với Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện

kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị K thực hiện như nội dung vụ án đã trình bày ở trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Vấn đề này, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *"Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam"*. Và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất dấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người,…) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy; thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc định tội.

Theo đó, bị cáo K có hành vi cất giấu ma túy vào lòng bàn tay trái, sau đó điều khiển xe đến khu dân cư ấp A1, xã M, huyện L thì bị lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra về ma túy Công an tỉnh Đ kết hợp với Công an huyện L và Công an xã M tiến hành kiểm tra thì bị cáo K bỏ bịch ma túy xuống mặt đường cạnh xe thì bị phát hiện bắt quả tang, kết quả giám định là loại Methamphetamine, có khối lượng 0,238 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo K đã thỏa mãn dấu hiệu về mặt khách quan của tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo K đã khai nhận hành vi thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo K phù hợp với lời khai của bị cáo và những người làm chứng tại Cơ quan điều tra, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết ma tuý là chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép. Nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện, bất chấp hậu quả. Khối lượng chất ma túy mà bị cáo tàng trữ, cất giấu là 0,238 gam loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo K là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến việc độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy ở tất cả các khâu của quá trình quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đồng thời, ma túy còn là chất gây nghiện nguy hiểm, không chỉ làm suy kiệt về kinh tế, sức khỏe của người nghiện mà còn có thể làm hạn chế hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của người nghiện. Hơn nữa, ma túy còn là mầm mống lan truyền các căn bệnh xã hội và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị K đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, bản Cáo trạng số 15/CT-VKSLVo ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thể hiện thông qua việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm*

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, phạm tội không có tính chất vụ lợi, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong, ghi "Niêm phong số 13, ngày 03/01/2020, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ" bên trong có chứa 0,195 gam Methamphetamine là chất thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) ống nhựa màu cam đầu quấn băng keo đen; 01 (một) bình thủy tinh tự chế; 01 (một) bịch nylong dạng nắp kẹp bên trong có chứa 10 bịch nylong hở một đầu liên quan đến việc phạm tội. Do đó, cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, hiệu OPPO A3S đã qua sử dụng được niêm phong theo quy định, ký hiệu 02 là điện thoại của bị cáo không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích nêu trên, cho thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết tội và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, nên bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 02/01/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong, ghi "Niêm phong số 13, ngày 03/01/2020, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ" và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng , Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thị K;

+ 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng;

+ 01 (một) ống nhựa màu cam đầu quấn băng keo đen;

+ 01 (một) bình thủy tinh tự chế;

+ 01 (một) bịch nylong dạng nắp kẹp bên trong có chứa 10 bịch nylong hở một đầu.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K: 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, hiệu OPPO A3S đã qua sử dụng được niêm phong theo quy định, ký hiệu 02.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện L;
- CQCSĐT Công an huyện L;
- Nhà tạm giữ Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thành Nhân